

Số: 4016 /KH-UBND

Điện Biên, ngày 09 tháng 12 năm 2022

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số tỉnh Điện Biên năm 2023

Phần I
ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2022

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2022

1. Nhận thức số

1.1. Ngày Chuyển đổi số

Căn cứ Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số quốc gia; Quyết định số 1092/QĐ-BTTTT ngày 16/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Kế hoạch triển khai Quyết định số 505/QĐ-TTg ngày 22/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày Chuyển đổi số quốc gia; đồng thời nhằm mục đích lan tỏa và thu hút sự hưởng ứng tích cực của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội đối với công cuộc chuyển đổi số của tỉnh, hướng tới mục tiêu phục vụ hiệu quả cao nhất cho người dân và doanh nghiệp, góp phần nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp và chất lượng cuộc sống của người dân, thúc đẩy phát triển kinh tế, đảm bảo an sinh và công bằng xã hội.

Ngày 15/9/2022, UBND tỉnh Điện Biên ban hành Quyết định số 1701/QĐ-UBND về Ngày Chuyển đổi số tỉnh Điện Biên, theo đó tỉnh Điện Biên quyết định lấy ngày 10/10 hằng năm là Ngày chuyển đổi số tỉnh Điện Biên; ban hành Kế hoạch số 2966/KH-UBND ngày 15/9/2022 về tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia và của tỉnh năm 2022 trên địa bàn tỉnh Điện Biên.

Chủ đề Ngày Chuyển đổi số quốc gia và Ngày Chuyển đổi số tỉnh Điện Biên năm 2022 là “*Chuyển đổi số giải quyết các vấn đề của xã hội vì một cuộc sống tốt đẹp hơn cho người dân*”. Các hoạt động hưởng ứng Ngày chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành, tham gia nhiệt tình, nghiêm túc của công chức, viên chức; sự đồng hành của các doanh nghiệp và sự hưởng ứng của người dân.

Các hoạt động tuyên truyền, phổ biến đã góp phần nâng cao nhận thức của mỗi công chức, viên chức, người lao động, nhân dân hiểu rõ hơn về mục đích, ý nghĩa của Ngày Chuyển đổi số quốc gia và của tỉnh 10/10 nói riêng và ý nghĩa, tầm quan trọng của chuyển đổi số nói chung.

1.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

UBND tỉnh đã thông báo, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trong tỉnh biết, phổ biến, tuyên truyền đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và nhân dân trên địa bàn tỉnh truy cập Chuyên mục câu chuyện chuyển đổi số trên trang thông tin điện tử <https://t63.mic.gov.vn>, <https://c63.mic.gov.vn/> để tham khảo những sáng kiến, cách làm, kinh nghiệm, bài học, mô hình hay về chuyển đổi số; đồng thời tham gia trực tiếp chia sẻ các câu chuyện chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị trên các Chuyên mục.

1.3. Kênh truyền thông “Chuyển đổi số quốc gia” trên Zalo

Nhằm cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ nhiệm vụ chuyên môn, các cơ quan, đơn vị trong tỉnh đã tuyên truyền, quán triệt tới 100% cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tham gia và thường xuyên theo dõi kênh truyền thông “Chuyển đổi số quốc gia” trên Zalo.

Báo Điện Biên Phủ, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Phòng Văn hóa - Thông tin, Trung tâm Văn hóa, Truyền thanh - Truyền hình các huyện, thị xã, thành phố bố trí khung thời lượng, thời gian phù hợp tuyên truyền kênh Chuyển đổi số Quốc gia; hướng dẫn quy trình truy cập vào các kênh để người dân cập nhật thông tin hữu ích và tạo sự hưởng ứng, tham gia tích cực vào công cuộc Chuyển đổi số.

Công thông tin điện tử tỉnh, Báo Điện Biên Phủ, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh, các hệ thống truyền thanh cơ sở của các địa phương đã xây dựng chuyên mục riêng về Chuyển đổi số.

2. Thể chế số

2.1. Ban hành Nghị quyết của cấp ủy và kế hoạch 05 năm của cấp chính quyền về Chuyển đổi số

Ngày 01/10/2021, Tỉnh ủy Điện Biên ban hành Nghị quyết số 13-NQ/TU về Chuyển đổi số tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; UBND tỉnh ban hành Quyết định số 3179/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 phê duyệt Đề án Chuyển đổi số tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021- 2025, định hướng đến năm 2030 và Kế hoạch số 1905/KH-UBND ngày 02/7/2020 của UBND tỉnh triển khai thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Nghị quyết của Tỉnh ủy, Đề án, Kế hoạch của UBND tỉnh ban hành đã xác định được tầm nhìn, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu thực hiện chuyển đổi số tỉnh trong giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030 trên 3 trụ cột: Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

2.2. Hoạt động của Ban Chỉ đạo chuyển đổi số năm 2022

Thực hiện Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 24/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc kiện toàn và đổi tên Ủy ban Quốc gia về Chính phủ điện tử, Quyết định số 27/QĐ-UBQGCS ngày 15/6/2022 ban hành Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2022, tỉnh Điện Biên đã thành lập Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số của tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh là Trưởng Ban Chỉ đạo. Ban Chỉ đạo đã ban hành Kế hoạch số 1332/KH-BCĐ ngày 06/5/2022 về

Chương trình hoạt động của Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số năm 2022, trong đó đề ra các mục tiêu quan trọng về phát triển hạ tầng số, chính phủ số, kinh tế số và xã hội số, nhiệm vụ trọng tâm và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cơ quan, đơn vị và các Thành viên Ban Chỉ đạo về chuyển đổi số của tỉnh.

Ban Chỉ đạo tỉnh đã ban hành Quy chế hoạt động, tổ chức các phiên họp thường kỳ, đột xuất để chỉ đạo, đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh.

Đồng thời, trong năm 2022, UBND tỉnh cũng đã ban hành nhiều chương trình, kế hoạch, văn bản chỉ đạo nhằm thúc đẩy quá trình chuyển đổi số, phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số của tỉnh¹ và xây dựng chuyên trang về chuyển đổi số của tỉnh.

Tỉnh đã ban hành Quyết định phê duyệt Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản 2.0 - là cơ sở đưa ra các quyết định đầu tư, triển khai chính quyền điện tử, chính quyền số kịp thời, chính xác; đảm bảo tính kết nối liên thông, tránh trùng lặp, lãng phí và tổ chức triển khai, duy trì và cập nhật theo quy định của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông.

3. Hạ tầng số

Hạ tầng số các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh đã được đầu tư xây dựng cơ bản đáp ứng yêu cầu phát triển Chính quyền số của tỉnh: Tỷ lệ máy tính/cán bộ công chức trong các cơ quan Nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện đạt 100%, cấp xã đạt trên 95%. 100% cơ quan Nhà nước các cấp có mạng nội bộ (LAN) kết nối mạng Internet băng rộng cố định và kết nối mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

Trung tâm dữ liệu phục vụ chuyển đổi số của tỉnh đang được triển khai theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây đáp ứng đầy đủ các tiêu chí, chỉ tiêu kỹ thuật quy định tại Công văn số 1145/BTTTT-CATTT ngày 03/4/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông và các văn bản liên quan, là nền tảng hạ tầng quản lý tập trung đảm bảo đồng bộ, thống nhất, an toàn an ninh thông tin, phục vụ hoạt động cho các phần mềm dùng chung của tỉnh.

Trên địa bàn tỉnh hiện có 837 vị trí trạm thu phát sóng thông tin di động (BTS) trong đó có 800 vị trí có phủ sóng 3G, 742 vị trí có phủ sóng 4G. Tổng số thuê bao di động năm 2022 ước đạt gần 540.000 thuê bao (đạt 84 thuê bao/100 dân). Sóng thông tin di động (3G, 4G) đã được phủ đến 100% trung tâm các xã, phường, thị trấn và 94,5% khu vực có dân cư sinh sống. Toàn tỉnh có 506 tuyến

¹ Chỉ thị 06/CT-UBND ngày 03/06/2022 phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Quyết định số 2001/QĐ-UBND ngày 31/10/2022 về việc phê duyệt Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá chuyển đổi số của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Điện Biên”; Kế hoạch số 718/KH-UBND ngày 15/3/2022 Nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch triển khai Nền tảng địa chỉ số quốc gia gắn với bản đồ số; Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin đến năm 2025 trên địa bàn tỉnh Điện Biên; Chương trình xác định chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp, hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số; Chương trình Phát triển thương mại điện tử tỉnh Điện Biên năm 2022; Quy chế bảo đảm an toàn thông tin mạng trong hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị tỉnh Điện Biên; công bố các nền tảng số cần tập trung đẩy mạnh sử dụng trên địa bàn tỉnh Điện Biên năm 2022;...

cáp quang với tổng chiều dài 3.316 km. Hạ tầng truyền dẫn cáp quang kết nối đến 100% trung tâm các xã, phường, thị trấn và 88% cấp thôn/bản; 129/129 xã, phường, thị trấn có kết nối băng rộng cố định đến trung tâm. Tổng số thuê bao Internet băng rộng cố định ước đạt hơn 57.000 thuê bao (đạt tỷ lệ 42% hộ gia đình có kết nối Internet).

Toàn tỉnh có 179 điểm phục vụ (02 bưu cục cấp I, 10 bưu cục cấp II, 51 bưu cục cấp III, 01 bưu cục KT1, 01 bưu cục khách hàng lớn); Bán kính phục vụ bình quân đạt 4,12 km/điểm; số dân phục vụ bình quân đạt 3.532 người/điểm. Mạng vận chuyển bưu chính gồm 96 tuyến đường thư (có 07 tuyến đường thư cấp I, 11 tuyến cấp II, 78 tuyến cấp III); 115/115 xã có điểm bưu điện văn hóa xã, trong đó: 74/115 (tỷ lệ 64%) điểm bưu điện văn hoá đa dịch vụ, 79/115 (tỷ lệ 68%) điểm bưu điện văn hoá xã xây dựng kiên cố; 98/115 (tỷ lệ 72%) điểm kết nối internet công cộng; 100% xã có điểm phục vụ bưu chính đạt tiêu chuẩn xây dựng nông thôn mới; 98 xã có báo đến trong ngày.

4. Dữ liệu số

Các hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu chuyên ngành phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành và quản lý nhà nước bước đầu được các cơ quan, đơn vị trong tỉnh triển khai và khai thác có hiệu quả, như: Cơ sở dữ liệu văn bản điện tử, thủ tục hành chính, báo cáo thống kê, tư pháp, hộ tịch; giấy phép lái xe; bưu chính, viễn thông, tài chính, cán bộ công chức, bảo hiểm, y tế, giáo dục, nông nghiệp, tài nguyên,... Nhiều cơ sở dữ liệu đã được kết nối, liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối giữa các ngành, các cấp làm cơ sở, nền tảng quan trọng trong việc cung cấp dịch vụ công, giải quyết thủ tục hành chính, phục vụ nghiệp vụ của các cơ quan, đơn vị, cán bộ công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh.

Tỉnh Điện Biên đã phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành trung ương xây dựng, hoàn thiện và "làm giàu" các cơ sở dữ liệu quốc gia: Dân cư, đất đai, tư pháp, kinh doanh, bảo hiểm,...

5. Nền tảng số

Xây dựng nền tảng tích hợp và chia sẻ dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) làm nền tảng phục vụ việc phát triển ứng dụng dịch vụ Chính quyền điện tử và kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) để khai thác các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin có quy mô, phạm vi từ Trung ương đến địa phương; Triển khai nền tảng đô thị thông minh (IOC), đến thời điểm hiện tại 100% các ứng dụng có dữ liệu dùng chung của tỉnh được kết nối, sử dụng qua LGSP, 60% số dịch vụ dữ liệu có trên NDXP được tỉnh đưa vào sử dụng chính thức (10/17 dịch vụ).

Tỉnh đã triển khai ứng dụng nền tảng GIS trong quản lý tài nguyên, môi trường, lãnh thổ theo nghiên cứu của Viện Địa lý, Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam để biên tập bản đồ và tính toán thống kê diện tích rừng, xây dựng bản đồ biến động rừng và thống kê mức độ biến động.

Năm 2022, tỉnh triển khai thí điểm 9 nền tảng dịch vụ Đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, nâng cao

hiệu quả hoạt động của cơ quan Nhà nước, thúc đẩy nền kinh tế xã hội phát triển bền vững.

Bên cạnh đó, tinh tích cực triển khai có hiệu quả các nền tảng dùng chung của quốc gia, các bộ, ngành trung ương triển khai: Nền tảng họp trực tuyến, Nền tảng học trực tuyến mở đại trà (<https://onetouch.mic.gov.vn/>);...

6. Nhân lực số

UBND tỉnh đã thành lập Ban Chỉ đạo và Tổ Công tác giúp việc Ban Chỉ đạo, trong đó Trưởng Ban Chỉ đạo là Chủ tịch UBND tỉnh, các Ủy viên là lãnh đạo các Sở, ban, ngành và các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, các cơ quan, đơn vị, địa phương cũng đều thành lập Ban Chỉ đạo hoặc Tổ triển khai chuyển đổi số của cơ quan, đơn vị.

Đa số cán bộ công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị đã qua đào tạo bồi dưỡng cơ bản về ứng dụng công nghệ thông tin, có các kỹ năng số trong công việc. 90% các cơ quan Nhà nước cấp tỉnh, cấp huyện có cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách về công nghệ thông tin.

Đội ngũ cán bộ thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số, cán bộ chuyên trách CNTT, An toàn thông tin mạng thường xuyên được tập huấn hoặc cử tham gia các lớp bồi dưỡng, đào tạo nhằm nâng cao trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

7. An toàn thông tin mạng

Tỉnh đã hoàn thành việc phân loại, xác định, phê duyệt đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phương án bảo đảm an toàn cho các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh theo cấp độ phù hợp với quy định của pháp luật và tiêu chuẩn quốc gia về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ; triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ các hệ thống.

Thiết lập Trung tâm giám sát, điều hành, an toàn, an ninh mạng (SOC), giao Sở Thông tin và Truyền thông là đơn vị chuyên trách về an toàn thông tin của tỉnh, thực hiện bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp. Trung tâm SOC của tỉnh đã kết nối, chia sẻ thông tin giám sát an toàn thông tin với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng Quốc gia.

Triển khai giải pháp phòng, chống mã độc tập trung toàn tỉnh theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ đối với hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh cho trên 3.000 máy tính của cán bộ công chức trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện sao lưu định kỳ các dữ liệu dùng chung của tỉnh, của các ngành. Triển khai các phương án phục hồi dữ liệu khi có sự cố theo các quy trình do các chủ thể hệ thống thông tin xây dựng.

Tỉnh đã thành lập Tiểu ban an toàn an ninh mạng, kiện toàn Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng, thường xuyên phối hợp với Cục An toàn thông tin kiểm tra, giám sát, đánh giá và xử lý các sự cố an ninh mạng.

Hoạt động đào tạo, nâng cao trình độ về an toàn thông tin mạng cho các cán bộ, công chức chuyên trách về công nghệ thông tin thường xuyên được tổ chức, đồng thời cử cán bộ tham gia đầy đủ các khóa đào tạo, diễn tập ứng cứu sự cố máy tính do Trung tâm VNCERT, Cục tổ chức. Năm 2022, tỉnh đã tổ chức 01 chương trình diễn tập thực chiến đảm bảo an toàn thông tin mạng với Chủ đề "Diễn tập ứng cứu, xử lý sự cố Công nghệ thông tin điện tử tỉnh Điện Biên bị tấn công khai thác lỗ hổng bảo mật từ đó phát tán mã độc, thay đổi giao diện". Cuộc diễn tập có sự tham gia của gần 80 thành viên là cán bộ chuyên trách, phụ trách công nghệ thông tin thuộc các Sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các doanh nghiệp chuyên trách an toàn thông tin mạng trong và ngoài tỉnh.

Việc tuyên truyền, phổ biến các quy định về an toàn thông tin mạng được triển khai với nhiều hình thức (trên báo đài, bản tin, trên mạng xã hội,...), nội dung được lựa chọn phù hợp cho từng đối tượng, nhất là tại các cơ quan, đơn vị có hoạt động thường xuyên liên quan đến an ninh mạng, học sinh, sinh viên và tại địa bàn biên giới, vùng sâu, vùng xa.

8. Chính phủ số

Hệ thống Quản lý văn bản và hồ sơ công việc của tỉnh đã được kết nối liên thông vào Trục liên thông văn bản Quốc gia với Văn phòng Chính phủ, các bộ, ngành Trung ương và 100% cơ quan, đơn vị các cấp (tỉnh, huyện, xã) trong tỉnh. Đến nay, tỷ lệ văn bản điện tử có ký số đạt trên 97%; 100% các sở, ngành và tương đương có tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng đạt từ 80% trở lên; 100% các phòng thuộc UBND cấp huyện có tỷ lệ xử lý văn bản, hồ sơ công việc trên môi trường mạng đạt từ 50% trở lên.

100% cán bộ, công chức được cấp tài khoản thư điện tử công vụ (trên 3.900 tài khoản). Trên 90% cán bộ, công chức, viên chức thường xuyên sử dụng thư điện tử trong xử lý công việc.

Hệ thống hội nghị trực tuyến kết nối 100% xã, phường, thị trấn trên toàn tỉnh (hệ thống được kết nối từ Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh đến 129 xã phường), số lượng cuộc họp trực tuyến ngày càng tăng (trong năm đã thực hiện tổng cộng 88 cuộc hội nghị truyền hình trực tuyến trong đó có 21 phiên họp 4 cấp, 5 phiên Quốc tế); Ngoài ra, hình thức họp trực tuyến đến từng thiết bị cá nhân cũng được các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tỉnh tích cực triển khai.

Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh được xây dựng đáp ứng đầy đủ các chức năng, yêu cầu kỹ thuật theo quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông; 100% chế độ báo cáo, nội dung thông tin, dữ liệu của tỉnh được kết nối, cung cấp đầy đủ, kịp thời với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

100% cơ quan cấp tỉnh và huyện triển khai áp dụng hệ thống Chỉ đạo và điều hành phục vụ công tác theo dõi, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ do UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao, hạn chế và khắc phục tình trạng chậm trễ, bỏ sót công việc.

Triển khai giải pháp hợp không giấy cho các cuộc họp của Hội đồng Nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện trên địa bàn tỉnh.

Nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh trên cơ sở hợp nhất giữa Công dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử, có đầy đủ tính năng theo quy định; Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết và cấp kết quả giải quyết TTHC điện tử đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh đạt 98%, cấp huyện 49%, cấp xã 38%; 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình và tích hợp, cung cấp trên Công Dịch vụ công quốc gia; Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến đạt 53%; Tỷ lệ TTHC được triển khai thanh toán trực tuyến trên Công Dịch vụ công quốc gia đạt 38%; Tỷ lệ TTHC có phát sinh giao dịch thanh toán trực tuyến đạt 36%; Tỷ lệ hồ sơ thanh toán trực tuyến đạt 3%.

9. Kinh tế số

Tỉnh Điện Biên hiện có 35 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử, viễn thông, tập trung chủ yếu tại Thành phố Điện Biên Phủ, trong đó có 11 doanh nghiệp nền tảng số. 738/1.113 doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số (đạt 66,3%), trong đó có 111 doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số để chuyển đổi số trong các hoạt động quản lý điều hành, sản xuất kinh doanh (trên cổng SMEdx <https://smedx.mic.gov.vn>) (đạt 9,97%). Số lượng doanh nghiệp thực hiện nộp thuế điện tử đạt 1.087 doanh nghiệp (đạt 97,6%). Tổng doanh thu từ kinh tế số ước đạt trên 1.100 tỷ đồng.

Tỷ trọng kinh tế số đóng góp đạt khoảng 8% GRDP của tỉnh.

Thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh tiếp tục được đẩy mạnh, thực hiện tuyên truyền, quảng bá thúc đẩy tiêu thụ các sản phẩm OCOP của tỉnh trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng xã hội, triển khai các gian hàng trên sàn Postmart, Voso; hiện tại đưa được 493 sản phẩm lên sàn, trong đó có 43 sản phẩm OCOP.

10. Xã hội số

Hạ tầng xã hội số được quan tâm, mã địa chỉ bưu chính (Vpostcode) dựa trên nền tảng bản đồ số được triển khai đến 99% hộ gia đình; Tỷ lệ người dân có điện thoại thông minh đạt 68%; 37% dân số có tài khoản thanh toán điện tử, với đa dạng các hình thức thanh toán trực tuyến qua thẻ, thanh toán qua Internet banking, Mobile banking, Mobile Money,... Tỷ lệ người dân được tiếp cận, hướng dẫn, đào tạo và sử dụng bình đẳng các dịch vụ thiết yếu (chính quyền số, y tế, giáo dục, thông tin, thương mại điện tử, khoa học công nghệ, tài nguyên môi trường) ngày một tăng khoảng 50%.

100% các xã đã trong tỉnh thành lập Tổ Công nghệ số cộng đồng với trên 5.500 người tham gia là lãnh đạo UBND cấp xã, đại diện các Hội phụ nữ, Thanh niên, Công an, Giáo viên, các thôn, bản tại địa phương. Đề thông qua Tổ công nghệ số cộng đồng có thể đưa nền tảng số, công nghệ số, kỹ năng số đến với người dân, Sở Thông tin và Truyền thông cũng đã tổ chức Hội nghị

tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng số cho đầu mối tổ chuyên đổi số cộng đồng cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh theo hình thức trực tuyến và trực tiếp.

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

Tình hình xây dựng Chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số của tỉnh trong năm 2022 tiếp tục được Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh triển khai đồng bộ, toàn diện với nhiều giải pháp phù hợp và được sự hưởng ứng vào cuộc của cả hệ thống chính trị, sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp và đạt được một số kết quả nhất định, cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu, mục tiêu theo yêu cầu tại Chương trình Chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng đến Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; các chương trình, kế hoạch về chuyển đổi số của tỉnh, như: Ban hành các chủ trương, chính sách, kế hoạch, tạo điều kiện môi trường pháp lý thuận lợi cho chuyển đổi số; các doanh nghiệp bưu chính, viễn thông đã chú trọng phát triển hạ tầng số, cung cấp mạng lưới bưu chính, viễn thông phục vụ cơ quan Đảng, Nhà nước và Nhân dân đảm bảo chất lượng và an toàn an ninh thông tin trong tình hình mới; các ứng dụng, dịch vụ trong nội bộ cơ quan và phục vụ người dân, doanh nghiệp được đẩy mạnh triển khai tích cực, tỷ lệ văn bản điện tử ký số ngày càng tăng, họp trực tuyến ngày càng mở rộng số điểm họp và số lượng cuộc họp,...

2. Tồn tại hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc triển khai xây dựng Chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số của tỉnh vẫn còn một số khó khăn, hạn chế:

- Hạ tầng, dịch vụ viễn thông, internet một số địa bàn vùng sâu, vùng xa còn khó khăn, có nơi chưa đáp ứng được yêu cầu; Trang thiết bị CNTT của nhiều cơ quan đơn vị, đặc biệt là ở cấp xã còn thiếu, hư hỏng, không bảo đảm yêu cầu kỹ thuật.

- Hệ thống thông tin, CSDL của một số cơ quan, đơn vị chưa được liên thông, các cơ sở dữ liệu lớn chưa được xây dựng, chưa cung cấp dữ liệu mở cho người dân và doanh nghiệp gây khó khăn trong việc khai thác, sử dụng.

- Các doanh nghiệp của tỉnh đa số là các doanh nghiệp nhỏ chưa nhận thức đúng về vai trò của chuyển đổi số nên chưa chủ động tiếp cận công nghệ, hệ thống hạ tầng, môi trường CNTT để chuyển đổi số. Các doanh nghiệp CNTT khởi nghiệp chưa đa dạng, doanh thu đối với các doanh nghiệp CNTT còn thấp.

- Một bộ phận người dân, doanh nghiệp còn e dè, chưa chủ động tích cực ứng dụng các tiện ích của chính quyền số, chuyển đổi số, dịch vụ đô thị thông minh, trong đó có dịch vụ công trực tuyến. Nhiều TTHC còn phức tạp, khó triển khai trên hệ thống điện tử.

- Thói quen dùng tiền mặt của người dân chưa thay đổi và ngại tiếp cận các sản phẩm dịch vụ hiện đại; Tâm lý về vấn đề đảm bảo an ninh an toàn khi thanh toán điện tử, nhất là bộ phận dân cư tại địa bàn vùng sâu, vùng xa.

- Cán bộ chuyên trách về CNTT tại các cơ quan Nhà nước còn thiếu, nhất là cán bộ, chuyên gia về lĩnh vực an toàn an ninh thông tin, chuyển đổi số; công tác đào tạo, tập huấn về kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số cho người dân và doanh nghiệp chưa thường xuyên.

- Tỷ lệ người dân có thiết bị máy tính, máy tính bảng, điện thoại thông minh, tỷ lệ hộ gia đình kết nối internet, tỷ lệ thiết bị bảo đảm kết nối, sử dụng các nền tảng số còn thấp.

- Một số cơ sở dữ liệu quốc gia, của các bộ ngành trung ương triển khai chậm, chưa hoàn thành; nhiều bộ ngành chưa ban hành hướng dẫn kết nối chia sẻ dữ liệu với địa phương; nhiều nền tảng hoạt động chưa ổn định.

- Một số cấp ủy đảng, chính quyền chưa nhận thức đầy đủ, thiếu quan tâm, chưa quyết liệt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ trong Chuyển đổi số.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Trong năm 2022, tỉnh Điện Biên đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo sát sao các đơn vị liên quan tham mưu, bố trí nguồn kinh phí để triển khai thực hiện những nội dung xây dựng chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số; tổng số kinh phí đã bố trí trong năm 2022 là 121.225.885.196 đồng (trong đó: Vốn đầu tư là 53.879.000.000 đồng; kinh phí chi thường xuyên là 67.328.885.196 đồng). Tuy nhiên, với đặc thù là tỉnh miền núi kinh tế còn khó khăn nên việc cân đối, bố trí kinh phí để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ còn hạn chế chưa đáp ứng được nhu cầu.

Phần II

NỘI DUNG KẾ HOẠCH

I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH

- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng năm 2030; Quyết định số 942/QĐ-TTg ngày 15/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển Chính phủ điện tử hướng tới Chính phủ số giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Quyết định số 27/QĐ-UBQGCS ngày 15/6/2022 của Chủ tịch Ủy ban quốc gia về Chuyển đổi số ban hành Kế hoạch hoạt động của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số năm 2022;

- Nghị quyết số 13-NQ/TU ngày 01/10/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 03/6/2022 của UBND tỉnh về phát triển Chính quyền điện tử hướng tới Chính quyền số, thúc đẩy chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Quyết định số 498/QĐ-UBND ngày 28/5/2020 của UBND tỉnh ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ; Quyết định số 1469/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Kiến trúc chính quyền điện tử tỉnh Điện Biên, phiên bản 2.0;

- Quyết định số 3179/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 của UBND tỉnh phê duyệt Đề án Chuyển đổi số tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030;

- Kế hoạch số 1064/KH-UBND ngày 14/4/2021 của UBND tỉnh đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin trong cơ quan nhà nước tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 718/KH-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh nâng cao nhận thức, phổ cập kỹ năng và phát triển nguồn nhân lực chuyển đổi số tỉnh Điện Biên đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

- Văn bản số 5406/BTTTT-CĐSQG ngày 03/11/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn các bộ, ngành, địa phương xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2023.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Từng bước đổi mới căn bản đến toàn diện công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý, điều hành nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của bộ máy hành chính Nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp dựa trên công nghệ số; phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số góp phần phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo An ninh - Quốc phòng trên địa bàn tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Phát triển hạ tầng số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ đến khu dân cư sinh sống, làm việc (thôn, bản, tổ dân phố) tối thiểu đạt 95%.

- 50% hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng.

- 97,1% khu dân cư sinh sống, làm việc (thôn, bản, tổ dân phố) được phủ sóng thông tin di động mạng 3G, 4G, 5G.

- 72% người dân có điện thoại thông minh.

2.2. Phát triển Chính quyền số

- 98% văn bản điện tử của cơ quan, đơn vị được trao đổi, liên thông trên môi trường mạng (trừ văn bản mật).

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện và có phát sinh hồ sơ được cung cấp toàn trình trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau; 98% hồ sơ cơ quan cấp tỉnh, 60% cơ quan cấp huyện, 50% cơ quan cấp xã được xử lý trực tuyến.

- 100% chế độ báo cáo, nội dung thông tin, dữ liệu của tỉnh được kết nối, cung cấp đầy đủ, kịp thời với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- 20% hoạt động giám sát, kiểm tra của các cơ quan, đơn vị có thể thực hiện được thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý.

- 85% hệ thống thông tin của các cơ quan, đơn vị thường xuyên được giám sát, bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

- 60% cán bộ, công chức, viên chức được tập huấn, bồi dưỡng, phổ cập kiến thức, kỹ năng số cơ bản.

2.3. Phát triển kinh tế số

- Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đạt trên 8%.

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực tối thiểu đạt 5%.

- 70% doanh nghiệp thực hiện chuyển đổi số.

- 35% dân số tham gia mua sắm trực tuyến.

- 30% doanh nghiệp vừa và nhỏ có tài khoản thương mại điện tử.

- 55% hộ sản xuất nông nghiệp có tài khoản trên sàn thương mại điện tử.

2.4. Phát triển xã hội số

- 40% dân số có tài khoản thanh toán điện tử.

- 60% người dân có tiếp cận, sử dụng bình đẳng các dịch vụ thiết yếu (chính quyền số, y tế, giáo dục, thông tin, thương mại điện tử, khoa học công nghệ, tài nguyên môi trường).

III. NHIỆM VỤ

1. Nhận thức số

1.1. Ngày Chuyển đổi số

Căn cứ hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông và điều kiện thực tế của tỉnh, ban hành Kế hoạch và tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Chuyển đổi số quốc gia và Ngày chuyển đổi số của tỉnh năm 2023 bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, không phô trương, hình thức, mang lại lợi ích thiết thực cho người dân, phù hợp với mục đích, ý nghĩa, tinh thần cũng như chủ đề của Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2023.

1.2. Chia sẻ bài toán, sáng kiến, cách làm về chuyển đổi số

Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục chủ động tìm kiếm những sáng kiến, cách làm, mô hình điển hình về chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, của doanh nghiệp, của người dân ở chính trên địa bàn hoặc tham khảo trên trang thông tin điện tử <https://t63.mic.gov.vn>, <https://c63.mic.gov.vn/> để thực hiện tuyên truyền, phổ biến, nghiên cứu, nhân rộng.

1.3. Kênh truyền thông “Chuyển đổi số quốc gia”

Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn đến từng cán bộ, công chức, viên chức, các cơ quan, đơn vị trực thuộc tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác và

đời sống.

2. Thể chế số

- Cụ thể hóa các văn bản của Chính phủ, Bộ, ngành, phù hợp với điều kiện của tỉnh nhằm tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi cho việc đẩy mạnh xây dựng phát triển Chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và bảo đảm an toàn thông tin mạng.

- Tiếp tục triển khai, duy trì và cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử, Chính quyền số của tỉnh phù hợp với Kiến trúc Chính phủ điện tử, Chính phủ số theo chỉ đạo của Chính phủ, Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Xây dựng và ban hành các quy định, quy chế về quản lý, giám sát và vận hành các hệ thống, nền tảng số và bảo đảm an toàn thông tin.

- Nghiên cứu xây dựng và ban hành các quy định về việc thu thập, quản lý, lưu trữ, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu trên môi trường số trong các cơ quan Nhà nước của tỉnh (dữ liệu và dữ liệu mở); các cơ chế, chính sách khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến, khuyến khích doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số.

3. Hạ tầng số

- Tiếp tục đầu tư, nâng cấp hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật trong nội bộ các cơ quan Nhà nước, bao gồm: Trang thiết bị công nghệ số; hạ tầng mạng LAN, mạng Internet băng rộng cố định;... đảm bảo các điều kiện cần thiết sẵn sàng thực hiện kết nối, triển khai các nền tảng số dùng chung của tỉnh.

- Nâng cấp, phát triển Trung tâm dữ liệu của tỉnh phục vụ chuyển đổi số theo hướng sử dụng công nghệ điện toán đám mây kết nối với Nền tảng điện toán đám mây Chính phủ tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và yêu cầu cầu bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

- Nâng cao chất lượng mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng và Nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã. Triển khai các hệ thống kỹ thuật bảo đảm năng lực, an toàn thông tin cho Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước làm hạ tầng truyền dẫn căn bản trong kết nối các hệ thống thông tin, liên thông, chia sẻ dữ liệu phục vụ Chính quyền số.

- Hoàn thiện Trung tâm giám sát, điều hành đô thị thông minh (IOC) để kết nối, quản lý, vận hành, giám sát hệ thống các dịch vụ đô thị thông minh của tỉnh.

- Tiếp tục mở rộng mạng internet wifi công cộng miễn phí tại các công sở, công cộng (sân bay, bến xe, quảng trường, khu du lịch, trường chuyên nghiệp,...) phục vụ công tác lãnh đạo chỉ đạo điều hành cấp ủy, chính quyền, ứng dụng công nghệ số trong giao dịch giữa cơ quan Nhà nước với người dân; phát triển du lịch, giáo dục; xây dựng nông thôn mới, thiết lập hạ tầng kết nối cho phát triển chính quyền số, phát triển kinh tế số và hình thành xã hội số.

- Đẩy mạnh tốc độ phủ mạng cáp quang, cáp di động băng rộng đến tất cả các thôn, bản, khu vực dân sinh trên địa bàn tỉnh; tăng nhanh tỷ lệ người dùng Internet, đặc biệt là khu vực nông thôn; nâng cao dung lượng kết nối và chất

lượng dịch vụ mạng, phủ sóng chất lượng ở các vùng trắng, vùng lõm và kết nối mạng băng thông rộng.

4. Dữ liệu số

Tăng cường xây dựng, sử dụng các cơ sở dữ liệu dùng chung; thực hiện kết nối, chia sẻ hiệu quả dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước; kết nối, khai thác triệt để thông tin, dữ liệu đã có từ các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin quốc gia, hệ thống thông tin triển khai từ Trung ương đến địa phương. Mở dữ liệu, tạo dữ liệu mở của các cơ quan nhà nước tạo điều kiện phát triển kinh tế số, xã hội số.

5. Nền tảng số

- Tiếp tục xây dựng, phát triển các nền tảng phát triển Chính quyền số của tỉnh phù hợp Kiến trúc Chính quyền điện tử, Chính quyền số của tỉnh.

- Tiếp tục ứng dụng, nâng cấp nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung của tỉnh (LGSP), kết nối các hệ thống thông tin dùng chung, hệ thống thông tin chuyên ngành trọng điểm của tỉnh, đồng thời kết nối với các hệ thống thông tin của Trung ương qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia (NDXP) tạo thuận lợi cho giao dịch điện tử giữa người dân, doanh nghiệp với cơ quan Nhà nước, hạn chế việc sử dụng văn bản giấy và cung cấp lặp lại thông tin cho các cơ quan Nhà nước.

- Xây dựng các nền tảng công nghệ số thông minh của tỉnh phục vụ triển khai các dịch vụ và ứng dụng thông minh.

- Phát triển các nền tảng số để các cơ quan Nhà nước quản lý, điều hành nghiệp vụ chuyên ngành dựa trên dữ liệu, đồng bộ, thông suốt từ Trung ương đến địa phương.

- Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) vào các hệ thống, nền tảng số để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ; phục vụ công tác dự báo các chỉ tiêu kinh tế - xã hội, hỗ trợ việc ra quyết định, xây dựng chính sách.

6. Nhân lực số

- Xây dựng và triển khai kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ quản lý, điều hành, quản trị hệ thống, đảm bảo an toàn, an ninh thông tin cho cán bộ chủ chốt về công nghệ thông tin, đặc biệt là đội ngũ lãnh đạo quản lý, cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị trong tỉnh.

- Tăng cường bồi dưỡng, tập huấn cho cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý về chuyển đổi số để thực hiện nhiệm vụ được giao, trong đó đặc biệt chú trọng tới bồi dưỡng, tập huấn kỹ năng phân tích, khai thác dữ liệu để ra quyết định và hoạch định chính sách; kiến thức cơ bản về chuyển đổi số, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin và an toàn thông tin với các hình thức đào tạo ngắn hạn, tại chỗ hoặc đào tạo trực tiếp tại các đơn vị tổ chức đào tạo.

- Định kỳ tổ chức các chương trình diễn tập, tập huấn bảo đảm an toàn thông tin mạng với các phương án, kịch bản phù hợp thực tế cho cán bộ chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin của các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của tỉnh.

- Kiện toàn, nâng cao năng lực và duy trì hoạt động thường xuyên của Đội ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng; tham gia tích cực các hoạt động của Mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia; tăng cường chia sẻ, cung cấp thông tin về sự cố an toàn mạng.

- Tăng cường phổ cập kỹ năng số cơ bản cho người dân thông qua nền tảng học trực tuyến đại trà OneTouch; thực hiện đào tạo, bồi dưỡng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục, đào tạo, dạy nghề của tỉnh từng bước hình thành công dân số trong tương lai.

7. An toàn thông tin mạng

- Hoàn thành phân loại, xác định, phê duyệt đề xuất cấp độ an toàn hệ thống thông tin và phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ phù hợp với quy định của pháp luật và tiêu chuẩn quốc gia về an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ. Triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ các hệ thống thông tin đang vận hành.

- Rà soát hiện trạng, tăng cường đầu tư trang thiết bị và thuê dịch vụ nhằm nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin, phòng chống mã độc theo mô hình tập trung, kết nối chia sẻ thông tin với hệ thống tập trung của Bộ Thông tin và Truyền thông, ưu tiên cho các hệ thống cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp và hệ thống trung tâm dữ liệu và thiết bị đầu cuối.

- Duy trì và phát triển hoạt động bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông. Mở rộng phạm vi, nâng cao chất lượng, mức độ giám sát và bảo vệ cho các hệ thống thông tin của cơ quan, đơn vị. Áp dụng hệ thống quản lý an toàn thông tin mạng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật vào hoạt động của cơ quan.

- Duy trì và nâng cấp trung tâm giám sát, điều hành an toàn, an ninh mạng, kết nối và chia sẻ thông tin, dữ liệu với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia (Cục An toàn thông tin - Bộ Thông tin và Truyền thông).

- Xây dựng và triển khai các quy định, kế hoạch về ứng phó sự cố; các hoạt động của đội ứng cứu sự cố, tham gia hoạt động của mạng lưới ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng quốc gia. Tổ chức một cuộc diễn tập thực chiến bảo đảm an toàn an ninh mạng cấp tỉnh.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân.

- Định kỳ, đột xuất thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định của pháp luật; giám sát, phát hiện và xử lý hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý tin giả, thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng thuộc phạm vi quản lý.

8. Chính phủ số

- Duy trì, nâng cấp hệ thống Quản lý văn bản và hồ sơ công việc, kết nối,

liên thông trao đổi văn bản điện tử qua tất cả các cấp chính quyền của tỉnh, kết nối với Trục liên thông văn bản quốc gia và các nguồn văn bản hành chính của các cơ quan nhà nước. Nâng cấp ứng dụng trên điện thoại thông minh, hệ thống chỉ tiêu thống kê, báo cáo, thực hiện lưu trữ văn bản điện tử theo quy định, kết nối các hệ thống của các cơ quan Đảng, Nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp,...

- Triển khai hệ thống phòng họp không giấy tờ cho các cuộc họp của HĐND tỉnh, UBND tỉnh và các cuộc họp của các cơ quan Đảng, chính quyền các cấp khi cần thiết.

- Hoàn thiện, nâng cấp Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh nhằm từng bước tự động hóa công tác báo cáo, thống kê phục vụ sự chỉ đạo, điều hành nhanh chóng, kịp thời, hỗ trợ ra quyết định dựa trên dữ liệu của cơ quan Nhà nước các cấp và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ, Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

- Phát triển, hoàn thiện Hệ thống theo dõi nhiệm vụ do Chủ tịch UBND tỉnh giao để theo dõi, đo lường, đánh giá kết quả triển khai nhiệm vụ các Sở, ngành, địa phương thực hiện.

- Nâng cấp, mở rộng hệ thống họp trực tuyến của tỉnh đến các sở, ngành và 100% các xã, phường, thị trấn. Bảo đảm điều kiện các cuộc họp có thể diễn ra được mọi lúc, mọi nơi, trên nhiều loại thiết bị, nhiều cuộc họp đồng thời. Kết nối với hệ thống họp trực tuyến của Chính phủ, các bộ ngành trung ương và các địa phương.

- Xây dựng, nâng cấp, hoàn thiện các hệ thống, nền tảng công nghệ số trong các hoạt động nghiệp vụ tại mỗi cơ quan và kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống thông tin của bộ, ngành, tỉnh theo nhu cầu.

- Duy trì hoạt động Cổng thông tin điện tử tỉnh và các trang/cổng thông tin điện tử của các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh, cung cấp đầy đủ các thông tin theo quy định.

- Nâng cấp Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh đảm bảo theo quy định và yêu cầu của chuyển đổi số, đảm bảo phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn; Triển khai hiệu quả công tác số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; cung cấp dịch vụ công trực tuyến theo hướng toàn trình theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan Nhà nước trên môi trường mạng; Đẩy mạnh triển khai tích hợp chữ ký số vào Hệ thống để người dân, doanh nghiệp thực hiện các dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng.

- Nghiên cứu triển khai Trợ lý ảo trong cơ quan Nhà nước để hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức nâng cao hiệu quả và năng suất lao động.

- Từng bước triển khai các dịch vụ xây dựng đô thị thông minh phù hợp điều kiện của tỉnh, ưu tiên triển khai trước các dịch vụ: du lịch, y tế, giáo dục, thông tin truyền thông...

9. Kinh tế số

- Tổ chức triển khai hỗ trợ đưa hộ sản xuất nông nghiệp lên sàn thương mại điện tử, thúc đẩy phát triển kinh tế số nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn tại Quyết định số 1034/QĐ-BTTTT ngày 21/7/2021 và Quyết định số 350/QĐ-BTTTT ngày 24/02/2022 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Triển khai Chương trình đánh giá xác định chỉ số mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp trên địa bàn và Kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số theo hướng dẫn tại Quyết định số 1970/QĐ-BTTTT ngày 13/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Đề án xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và hỗ trợ thúc đẩy doanh nghiệp chuyển đổi số; Quyết định số 377/QĐ-BTTTT ngày 26/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi số SMEdx.

10. Xã hội số

- Thúc đẩy chuyển đổi số, thanh toán không dùng tiền mặt trong các trường học, cơ sở giáo dục và bệnh viện, cơ sở y tế tại địa phương theo hướng dẫn tại Văn bản số 781/BTTTT-QLDN ngày 04/3/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Triển khai hiệu quả hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng để phổ cập kỹ năng số (như: kỹ năng sử dụng dịch vụ công trực tuyến; thanh toán không dùng tiền mặt; sử dụng các dịch vụ số thiết yếu phục vụ cuộc sống; áp dụng các giải pháp an toàn, bảo mật thông tin cơ bản để tự bảo vệ dữ liệu cá nhân trên không gian mạng;...) cho người dân.

- Triển khai chương trình viễn thông công ích giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

IV. GIẢI PHÁP

1. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, kỹ năng số, tăng cường tương tác với người dân, doanh nghiệp

- Tích cực tuyên truyền, ứng dụng các kênh truyền thông đa dạng để nâng cao nhận thức, thay đổi thói quen hành vi, hình thành văn hóa số, tạo sự đồng thuận của người dân, doanh nghiệp về xây dựng Chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

- Xây dựng, ứng dụng các nền tảng, kênh tương tác trực tuyến giữa cơ quan nhà nước và người dân, doanh nghiệp, tận dụng các kênh mạng xã hội để quảng bá thông tin, tăng cường sự tham gia của người dân trong các hoạt động quản lý của các cơ quan nhà nước.

- Xây dựng chính sách khuyến khích người dân và doanh nghiệp thực hiện các giao dịch điện tử, sử dụng các dịch vụ công trực tuyến.

- Tuyên truyền người dân sử dụng điện thoại thông minh để có thể tiếp cận dịch vụ số mọi lúc, mọi nơi.

2. Phát triển các mô hình chuyển đổi số kết hợp giữa các cơ quan Nhà nước, doanh nghiệp

- Tiếp tục thuê các dịch vụ và phối hợp doanh nghiệp để cung cấp dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp, tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích,...

- Phối hợp, tạo điều kiện, hỗ trợ doanh nghiệp giới thiệu, cung cấp sản phẩm, dịch vụ số,... cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh nhằm triển khai các dịch vụ Chính phủ số, Chính quyền số thuận lợi.

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

- Tăng cường nghiên cứu, đề xuất triển khai các giải pháp tích hợp, ứng dụng, sản phẩm công nghệ thông tin phục vụ xây dựng Chính quyền số hướng tới nền kinh tế số, xã hội số dựa trên dữ liệu mở, ứng dụng các công nghệ mới.

- Triển khai hợp tác, học tập kinh nghiệm về xây dựng Chính quyền số với các tỉnh xếp hạng cao về phát triển Chính quyền số, bảo đảm có trọng tâm, phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.

4. Thu hút nguồn lực công nghệ thông tin

- Huy động các nguồn lực ưu tiên chuyển đổi số và bảo đảm an toàn thông tin mạng theo hình thức thuê dịch vụ công nghệ thông tin trọn gói do các doanh nghiệp công nghệ thông tin cung cấp.

- Nghiên cứu, xây dựng cơ chế khuyến khích, chính sách ưu đãi để thu hút nhân lực tham gia xây dựng, phát triển Chính phủ số trong bộ máy nhà nước.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí thực hiện Kế hoạch này bao gồm: Ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, nguồn đầu tư của doanh nghiệp và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức, triển khai thực hiện Kế hoạch, các chương trình đề án, dự án về an toàn an ninh thông tin, chuyển đổi số, đô thị thông minh.

- Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Bộ Thông tin và Truyền thông trong việc thực hiện công tác kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch.

- Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá tình hình chuyển đổi số trong các cơ quan Nhà nước để có những giải pháp đảm bảo thực hiện đúng mục đích, yêu cầu đề ra.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính xây dựng kinh phí thực hiện các mục tiêu của kế hoạch trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

2. Văn phòng UBND tỉnh

Quản lý hiệu quả hoạt động của Cổng thông tin điện tử của tỉnh và thực

hiện nhiệm vụ kết nối hệ thống thông tin hành chính điện tử phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh.

3. Các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ khả năng cân đối nguồn vốn ngân sách địa phương có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tham mưu, trình UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Điện Biên năm 2023 đảm bảo đúng các quy định hiện hành.

4. Sở Nội vụ

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tổ chức xây dựng và thực hiện các giải pháp nhằm kết hợp chặt chẽ, có hiệu quả việc triển khai chương trình cải cách hành chính với Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Điện Biên năm 2023.

- Chủ trì, phối hợp các Sở, ngành liên quan xây dựng chính sách ưu đãi, thu hút đối với cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin đang làm việc tại các cơ quan Nhà nước trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông xây dựng phương án đào tạo, tập huấn cho cán bộ công chức viên chức các cấp về chuyển đổi số, chính quyền số, kỹ năng số, an toàn thông tin mạng,...

5. Các Sở, ngành tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố

Có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Sở Thông tin và Truyền thông và các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đảm bảo tính thống nhất giữa ngành với địa phương và của tỉnh.

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, địa phương chủ động cân đối bố trí nguồn kinh phí phù hợp để tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2023 đảm bảo đúng các quy định hiện hành.

Trên đây là Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Điện Biên năm 2023; UBND tỉnh yêu cầu các Sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện và các đơn vị có liên quan chủ động tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông (b/c);
- TT. Tỉnh ủy (b/c);
- TT. HĐND tỉnh;
- Các sở, ngành thành viên BCD CDS tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Thành Đô